

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Th.s Phí Thị Lan Phương, TS. Nguyễn Thị Hoàn

Đại học Kinh tế Quốc dân

Khi khởi xướng công cuộc đổi mới, Đảng ta và Nhà nước đã nêu rõ chủ trương kết hợp ngay từ đầu và trong từng bước giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Mục tiêu hàng đầu của nước ta là xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Tại Đại hội Đảng lần thứ IX, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu: tăng trưởng kinh tế gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện ngay trong từng bước phát triển nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh năm 1991 của Đảng đã xác định phải kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta về kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội được khẳng định trong hầu hết các văn kiện đại hội Đảng, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Đặc biệt Việt Nam là nước đang phát triển, đang chịu tác động của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức thì mối quan hệ này càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là xu hướng chung, là mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội (Copenhagen, Đan Mạch, tháng 3-1995) đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong nhận thức của cộng đồng quốc tế về sự gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội hướng tới phát triển bền vững. Tuyên bố Copenhagen nhấn mạnh: “phát triển xã hội, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường có quan hệ phụ thuộc và thúc đẩy lẫn nhau; là khuôn khổ cho các nỗ lực của chúng ta nhằm đạt được một cuộc sống chất lượng cao hơn cho tất cả mọi người”.

Tăng trưởng kinh tế là một phạm trù kinh tế học, phản ánh sự gia tăng về mặt lượng của một nền kinh tế. Nó được đo bằng nhiều chỉ số khác nhau, như tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng sản phẩm quốc dân (GNP) hay thu nhập bình quân đầu người trên năm (GNP/người/năm, GDP/người/năm). Tốc độ tăng trưởng kinh tế là mức (%) được tăng thêm của sản lượng GNP, GDP, GNP/người hay GDP/người của năm này so với năm trước hay giai đoạn này so với giai đoạn trước. Tăng trưởng kinh tế là sự tăng về số lượng, quy mô và tốc độ phát triển của một

nền kinh tế. Sự tăng trưởng đó đạt tới một giới hạn nhất định. Với nghĩa như vậy, tăng trưởng kinh tế là mục tiêu theo đuổi của mọi quốc gia, mọi nền kinh tế trước yêu cầu tồn tại và phát triển.

Tiến bộ xã hội là sự vận động của xã hội từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ lạc hậu đến văn minh hiện đại. Tiến bộ xã hội trước hết phải xuất phát từ con người, vì con người và hướng tới sự tiến bộ của con người. Sự tiến bộ xã hội còn thể hiện ở sự phát triển ngày càng cao hơn của cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng và ý thức xã hội.

Công bằng xã hội là khái niệm có nội dung phức tạp hơn so với khái niệm tăng trưởng kinh tế. Công bằng xã hội, hiểu theo nghĩa chung nhất, là sự ngang bằng nhau trong mối quan hệ giữa người với người, dựa trên nguyên tắc thống nhất giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và hưởng thụ. Từng thành viên trong xã hội gắn bó với cộng đồng xã hội trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua sự cống hiến theo khả năng trí tuệ, sức lực của mình cho sự phát triển xã hội và được xã hội bù đắp, chăm sóc trở lại một cách tương xứng, không có sự tương xứng ấy là bất công.

Công bằng xã hội là một khái niệm rộng, bao gồm công bằng trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị,

văn hóa và xã hội. Trong đó, công bằng trong kinh tế là cơ sở, công bằng trong lĩnh vực phân phối có ý nghĩa quyết định đến việc phát huy nội lực các thành phần kinh tế, đến từng thành viên trong xã hội. Vì vậy, sự tăng trưởng kinh tế phải hướng tới mục đích phục vụ các mục tiêu xã hội và các mục tiêu xã hội phải hướng tới con người. Không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội với trình độ nhân dân thấp kém.

Công bằng xã hội dẫn đến lợi ích của mỗi cá nhân và mỗi chủ thể kinh tế được đảm bảo đầy đủ theo mức độ đóng góp bằng nhiều hình thức như bằng lao động bằng vốn, tài sản, trí tuệ, trí thức, trình độ tay nghề. Như vậy khi lợi ích kinh tế được đảm bảo đã tạo ra sự kích thích cho mỗi cá nhân không ngừng phát huy tính năng động và năng lực sáng tạo của mình. Do đó, công bằng xã hội là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là những cái đích cần hướng tới của các quốc gia hiện nay. Tuy nhiên, việc nhìn nhận mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở những quốc gia khác nhau là không giống nhau; vì vậy, cách giải quyết vấn đề cũng đi theo những xu hướng khác nhau.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ yêu cầu và dự báo tình hình thực tế của đất nước trong thời gian tới, Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020 được xác định là Chiến lược tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, chính trị- xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

Ở nước ta, trong những năm đổi mới, đường lối của Đảng cũng như chính sách của Nhà nước đã thể hiện quan điểm mới, sâu sắc và toàn diện trong việc

giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Điều này được phản ánh một cách nhất quán trong các văn kiện lớn của Đảng và trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong suốt thời kỳ đổi mới.

Đại hội VI (1986) lần đầu tiên Đảng ta nâng vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội, đặt rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác. Đại hội cũng cho rằng, trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm... Do đó, cần có chính sách xã hội cơ bản lâu dài phù hợp với yêu cầu và khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế ở chỗ đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người. Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

Đại hội VIII (1996) của Đảng đánh dấu bước phát triển mới trong chỉ đạo về vấn đề này. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII khẳng định: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ xã hội và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình”.

Đường lối đúng đắn đó tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định tại Đại hội lần thứ IX (2001): “... phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường”. Đến Đại hội lần thứ X (2006), vấn đề trên được Đảng ta bổ sung và phát triển một bước quan trọng, cụ thể là: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế- xã hội. Tập trung giải quyết

những vấn đề xã hội bức xúc”.

Trong điều kiện Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), hội nhập sâu rộng hơn vào hệ thống kinh tế quốc tế, Hội nghị Trung ương 4 khóa X (1-2007) nhấn mạnh: Phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Và tới Đại hội XI (2011) của Đảng đã chủ trương phát triển toàn diện mạnh mẽ các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế...

Từ nhận thức và quan điểm chung trên đây, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách, giải pháp về kinh tế và xã hội để vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao, vừa đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt, trong nhiều năm, Việt Nam đã thực hiện thành công chủ trương, chính sách khuyến khích làm giàu đồng thời tích cực giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các tầng lớp dân cư thông qua thực hiện chiến lược tăng trưởng và giảm nghèo, các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo...

Nói tóm lại, quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện như sau.

Một là: Kết hợp các mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội. Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện vật chất để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; đến lượt nó, thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội lại trở thành động lực tinh thần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Không thể có tiến bộ và công bằng xã hội trên cơ sở một nền kinh tế kém hiệu quả, chất lượng thấp. Cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội với đa số lao động chỉ có trình độ học vấn và tay nghề thấp; một tỷ lệ đáng kể dân cư còn nghèo do thất nghiệp hoặc thiếu việc làm.

Đẩy mạnh việc thể chế hóa đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải tiến các chính sách quản lý vĩ mô, nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp trong xã hội đều có cơ hội tiếp cận một cách công bằng đối với các yếu tố “đầu vào” của sản xuất, kinh doanh.

Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp. Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến các tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lý, tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính

sách kinh tế và chính sách xã hội. Sự kết hợp giữa hai loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở... Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa.

Hai là: Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Nhiệm vụ gắn kết này không dừng lại như một khẩu hiệu, một lời khuyến nghị mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành... Các cơ quan, các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển “sạch”, phát triển hài hòa, không chạy theo số lượng tăng trưởng bằng mọi giá.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là nội dung rất quan trọng của phát triển bền vững. Đây còn là tiêu chí thể hiện bản chất của chế độ ta. Sự bất bình đẳng và phân hoá giàu nghèo ở mức cao tạo nên xung đột xã hội ở không ít các quốc gia trên thế giới, làm suy giảm tăng trưởng. Vì vậy, Đảng ta chủ trương phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Chúng ta sẽ tập trung hơn cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức để thực hiện giảm nghèo bền vững. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, đồng thời hạn chế phân hoá giàu nghèo, chủ yếu thông qua chính sách điều tiết thu nhập, phát triển hệ thống phúc lợi xã hội và an sinh xã hội đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân phối trong các doanh nghiệp, chính sách tiền lương, bảo đảm công bằng lợi ích, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội.

Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Chính sách xã hội có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, cũng không thể dựa vào viện trợ như thời bao cấp. Cần mở rộng chính sách phúc lợi xã hội thành hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc, xem đây là một trong những chỉ báo quan trọng của một xã hội công bằng và văn minh.

Hệ thống chính sách an sinh xã hội này bao gồm: 1) Chính sách ưu đãi xã hội, nhằm bảo đảm mức sống ít nhất trên trung bình cho những người có công trong quá trình cách mạng và kháng chiến trước đây; 2) Chính sách bảo hiểm xã hội nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của những

người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, bệnh tật tuổi già...); 3) Chính sách trợ cấp xã hội để hỗ trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ...; 4) Chính sách cứu tế xã hội để cứu trợ những người bị thiệt hại nặng do địch họa, thiên tai hoặc rủi ro trong cuộc sống; 5) Chính sách tương trợ xã hội, như phát huy truyền thống tương thân, tương ái “lá lành đùm lá rách” trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống.

Trong chính sách xã hội, phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đó là một yêu cầu của công bằng xã hội và tiến bộ xã hội, xóa bỏ quan điểm bao cấp, cào bằng, chắm dứt cơ chế xin - cho trong chính sách xã hội.

Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Bảo đảm tốc độ tăng trưởng cao, ổn định và không ngừng nâng cao chất lượng tăng trưởng là yếu tố quyết định nhất để phát triển nhanh và bền vững. Có đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đất nước mới phát triển nhanh, rút ngắn khoảng cách với các nước, mới tạo được nguồn lực để phát triển các lĩnh vực xã hội, phát triển con người, đầu tư phát triển những khu vực khó khăn, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong nước, mở rộng hệ thống phúc lợi và an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Với ưu thế về nguồn lực con người, chính trị xã hội ổn định, vị trí địa - kinh tế thuận lợi, lại là nước đi sau, chúng ta có điều kiện để phát triển nhanh. Mặt khác, có nâng cao chất lượng tăng trưởng mới tăng được hiệu suất sử dụng vốn và sức cạnh tranh của nền kinh tế, mới mở rộng được thị trường tiêu thụ trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Tài liệu tham khảo:

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. ĐCSVN: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Báo Điện tử đại biểu nhân dân.
5. Tạp chí Cộng sản điện tử.
6. <http://vssr.org.vn/>
7. www.ktdt.com.vn
8. Tạp chí cộng sản số 22 (142) năm 2007

Trên cơ sở đó, tạo ra giá trị gia tăng lớn cho đất nước, tăng khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, bảo đảm nguồn lực cho tăng trưởng cao và ổn định trong dài hạn. Tôn trọng lợi ích chính đáng của người lao động và các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Tại Đại hội lần thứ X, Đảng ta nhấn mạnh việc thực hiện chỉ tiêu GDP phải gắn với chỉ tiêu HDI trong suốt quá trình phát triển và trong từng chính sách xã hội. Như vậy, có thể nói, tăng cường đầu tư cho con người là cơ sở để thực hiện tăng trưởng kinh tế bền vững và giải quyết các vấn đề xã hội một cách có hiệu quả, thiết thực.

Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.

Sau hơn 25 năm đổi mới, chủ trương kết hợp tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội đã được chứng minh là đúng đắn, bằng thực tế của những thành tựu cũng như thực tế của những vấp vấp và yếu kém. Có lẽ kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội chính là một trong những sự phấn đấu của thời đại mới.

Ngày nay, có một trào lưu mạnh mẽ, cuốn hút các nước đang phát triển, các nước phát triển, các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại toàn cầu và khu vực, có thể nhiều ít khác nhau, song không ai không đòi hỏi và tỏ ý chí vươn lên sự phát triển bền vững, tức là tăng trưởng kinh tế gắn liền với công bằng xã hội và gìn giữ môi trường cùng với những vấn đề kinh tế cốt yếu, thì những vấn đề xã hội như công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo... □